

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1354/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 649/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 382/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1985; địa chỉ: Hẻm 49 Đường 164, Tổ 6, Ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1982; địa chỉ: Hẻm 49 Đường 164, Tổ 6, Ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/3/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà với ông Phạm Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/2007 ngày 12/02/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian, rồi phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, ham chơi, ăn nhậu, đánh đập vợ con, thường xuyên cãi vã gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Minh Tr, sinh ngày 30/8/2007 và Phạm Minh Tr1, sinh ngày 13/5/2015. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Sổ tạm trú (bản photô), giấy chứng minh nhân dân (photô); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con (bản sao); xác nhận thông tin nơi cư trú, đơn xin ly hôn, bản tự khai; đơn xin vắng mặt (bản chính).

Ông Phạm Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện ngày 16/3/2022, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc trường hợp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Phạm Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L với ông Phạm Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2007 ngày 12/02/2007 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà L thì mâu thuẫn giữa bà với ông Th là trầm trọng và không thể hàn gắn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, ham chơi, ăn nhậu đánh đập vợ con, thường xuyên cãi vã gay gắt làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà với ông Th không còn quan hệ vợ chồng.

Ông Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L với ông Th không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Minh Tr, sinh ngày 30/8/2007 và Phạm Minh Tr1, sinh ngày 13/5/2015. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung cũng như nguyện vọng của bà L nên cần giao cho bà L tiếp tục được quyền nuôi dưỡng 02 con chung và ông Th không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà L, vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Ghi nhận lời khai của bà L vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2007 ngày 12/02/2007 đã được Ủy ban nhân dân xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Th, bà L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Minh Tr, sinh ngày 30/8/2007 và Phạm Minh Tr1, sinh ngày 13/5/2015. Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0044442 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
 - Ủy ban nhân dân xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- (12 bản)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Anh Đạt

